



**CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

**Thời gian tổ chức:** Từ 08h00 đến 10h00, Thứ Hai, ngày 25 tháng 04 năm 2022.

**Địa điểm:** Tầng 3B, Tòa nhà Sakura, số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Chương trình dự kiến:**

| <b>Thời gian</b> | <b>Nội dung</b>   |
|------------------|---|
| 08:00 – 08:15    | Đón tiếp Đại biểu.<br>Kiểm tra tư cách Cổ đông.<br>Phát tài liệu cho Đại biểu dự họp.   |
| 08:15 – 08:30    | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.<br>Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban bầu cử Đại hội.<br>Công bố chương trình làm việc tại Đại hội.<br>Giới thiệu và biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.<br>Biểu quyết thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu.  |
| 08:30 – 09:30    | Các vấn đề thông qua tại Đại hội (dự kiến)<br>1. Báo cáo của Ban Điều hành.<br>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị.<br>3. Báo cáo của Ban Kiểm soát.<br>4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.<br>5. Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.<br>6. Tờ trình thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2021.<br>7. Tờ trình thông qua việc không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022.<br>8. Tờ trình thông qua việc thay đổi Thành viên Ban Kiểm soát<br>9. Tờ trình ban hành điều lệ Công ty sửa đổi<br>10. Chương trình nghị sự khác thuộc thẩm quyền của Đại hội (nếu có). |
| 9:30 – 9:45      | Thảo luận về các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội.   |
| 9:45 – 9:50      | Biểu quyết thông qua các Báo cáo và các Tờ trình.   |
| 9:50 – 9:55      | Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.  |
| 9:55 – 10:00     | Bế mạc Đại hội.   |

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam quy định Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là “**Đại hội**”) của Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam (gọi tắt là “**Công ty**”).
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
- Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**2. Mục tiêu**

- Đảm bảo nguyên tắc, công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông;
- Quy định việc điều hành, trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu nhằm đảm bảo thực hiện quyền của cổ đông và quyết định của Đại hội đạt kết quả cao nhất.

**II. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI**

1. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
2. Không hút thuốc lá trong Phòng Đại hội.
3. Không nói chuyện riêng. Điện thoại di động cần để chế độ im lặng.
4. Đại hội đồng cổ đông chỉ thảo luận, biểu quyết về các nội dung đã có trong Chương trình nghị sự.

**III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI**

1. **Nguyên tắc:** Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.
2. **Cách biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) một vấn đề theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội.
3. **Thẻ lệ biểu quyết:**
  - Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu tương ứng với một đơn vị biểu quyết.





- Tất cả các nghị quyết, quyết định của Đại hội đều phải biểu quyết công khai, trực tiếp tại Đại hội.
- Việc bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu được thông qua và có hiệu lực khi được trên 50% số cổ đông/đại diện cổ đông có mặt dự Đại hội thống nhất biểu quyết.
- Các nghị quyết, quyết định của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội thông qua, trừ các nội dung khác theo quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
- Kết quả biểu quyết được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội và bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa, Ban thư ký làm cơ sở hoàn thiện Biên bản và Nghị quyết.
- Trong trường hợp cổ đông hoặc đại diện cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

#### IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

#### V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

#### VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

#### VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỊCH HỌP**



**Nguyễn Tuấn Hải**



**QUY CHẾ BẦU CỬ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam;

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 công bố Quy chế bầu cử để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam thông qua như sau:

**I. Đề cử, ứng cử**

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có quyền gộp số cổ phần của từng người lại với nhau cho đạt tối thiểu 5% số cổ phần có quyền ứng cử/đề cử các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được ứng cử/đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được ứng cử/đề cử 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được ứng cử/đề cử 03 (ba) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được ứng cử/đề cử 04 (bốn) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được ứng cử/đề cử đủ số ứng viên.
3. Tiêu chuẩn ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp số lượng ứng viên thông qua ứng cử/đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế ứng cử/đề cử hay Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

**II. Bầu cử**

**1. Hướng dẫn điền phiếu bầu cử**

- Mỗi Đại biểu sẽ được nhận 01 (một) Phiếu bầu cử ghi rõ **Tổng số cổ phần** mà Đại biểu đó đại diện tương ứng với **Tổng số phiếu bầu** do Ban tổ chức Đại hội phát hành.
- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Đại biểu sẽ có **Tổng số phiếu bầu** tương ứng với **Tổng số cổ phần nhân với số thành viên cần bầu vào Hội đồng Quản trị**.
- Đại biểu có quyền bầu **dồn hết Tổng số phiếu bầu của mình cho một Ứng cử viên** hoặc **chia cho một số Ứng cử viên mỗi người một số phiếu bầu** trong phạm vi Tổng số phiếu bầu của mình.
- Đại biểu bầu cử bằng cách điền vào Phiếu bầu cử như sau:
  - + Đánh dấu tick vào ô của Ứng cử viên lựa chọn nếu bầu dồn toàn bộ Số phiếu bầu cho Ứng cử viên đó.
  - + Hoặc ghi rõ Số phiếu bầu vào ô “Số phiếu” cho từng Ứng cử viên.





- + Tổng số phiếu bầu cho tất cả các Ứng cử viên không được lớn hơn Tổng số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết.

## 2. Phiếu bầu cử hợp lệ và không hợp lệ

### - Phiếu bầu cử hợp lệ

- + Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không có nội dung tẩy xóa.
- + Bầu đủ hoặc ít hơn số thành viên HĐQT đã được Đại hội thông qua.
- + Bầu cho những Người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.

### - Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- + Phiếu bầu cử không phải của Ban tổ chức Đại hội phát hành.
- + Phiếu có tẩy, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và huỷ phiếu cũ).
- + Phiếu bầu quá số thành viên HĐQT mà Đại hội thông qua.
- + Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.
- + Phiếu bầu có Tổng số phiếu biểu quyết đã bầu lớn hơn Tổng số phiếu được biểu quyết.

## 3. Quy chế bầu cử

- Các Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử được lựa chọn từ người có số phiếu bầu cao đến người có số phiếu thấp cho đến khi đủ số lượng Thành viên cần bầu theo quy định của Điều lệ Công ty và được Đại hội thông qua.
- Trường hợp có từ 02 (hai) Ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các Ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc Chủ tọa quyết định biểu quyết.
- Đại hội bầu ra Ban kiểm phiếu để điều hành việc bầu cử theo quy định của Quy chế này.
- Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải đảm bảo bí mật. Nếu có sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm.
- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, sau đó phải niêm phong các phiếu bầu cử, xoá các dữ liệu liên quan đến bầu cử trên máy vi tính và chỉ được mở niêm phong khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, Cổ đông và/hoặc Đại biểu dự họp không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác.
- Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

### Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VP.



CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM

---o0o---

Số: 01/2022/TTtr/ALP-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hung Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

(Về việc Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021  
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với một số thông tin chi tiết như sau:

**1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021**

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

| TT | Chỉ tiêu           | Kế hoạch năm 2021 | Kết quả thực hiện năm 2021 |
|----|--------------------|-------------------|----------------------------|
| 1  | Tổng tài sản       | 6.000.000.000.000 | 8.417.294.446.708          |
| 2  | Doanh thu thuần    | 1.669.205.664.041 | 3.267.741.703.747          |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế | 33.538.268.853    | 36.546.671.834             |

**2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022**

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

| TT | Chỉ tiêu           | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022  |
|----|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1  | Tổng tài sản       | 8.417.294.446.708  | 11.850.549.800.217 |
| 2  | Doanh thu thuần    | 3.267.741.703.747  | 5.047.734.162.675  |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế | 36.546.671.834     | 37.509.538.958     |

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Hải



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021  
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2022**

*Kính thưa Quý cổ đông Công ty!*

*Kính thưa toàn thể Đại hội!*

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty, tôi xin trân trọng chào mừng tất cả Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam.

Tại Đại hội lần này, tôi xin báo cáo đến toàn thể Quý cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

**PHẦN I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021**

**1. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành:**

Trong năm 2021, các thành viên Ban điều hành đã nỗ lực hoàn thành tốt chức trách của mình trong việc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã đề ra, luôn đặt lợi ích của Công ty lên hàng đầu.

**2. Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2021**

Tổng kết năm 2021, Công ty cổ phần Dầu tư Alphanam đã đạt được tổng doanh thu là 3.267 tỷ đồng, theo Báo cáo tài chính hợp nhất chi tiết như sau

*Đơn vị tính : VND*

| STT | Nội dung                | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | Thực hiện/ Kế hoạch |
|-----|-------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|
| 1   | Tổng tài sản            | 6.000.000.000.000 | 8.417.294.446.708  | 140,3%              |
| 2   | Doanh thu thuần         | 1.669.205.664.041 | 3.267.741.703.747  | 195,8%              |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 33.538.268.853    | 36.546.671.834     | 109%                |

**3. Đánh giá về các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021**

**a. Đánh giá về công tác quản trị doanh nghiệp:**

- Năm 2021, HĐQT luôn bám sát, theo dõi những diễn biến thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với tình hình thực tế, định hướng tốt cho Ban Tổng Giám đốc trong triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết nghị của HĐQT.
- Các thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao đã tham gia chỉ đạo sát sao các hoạt động của Công ty.
- HĐQT công ty đã tổ chức thành công, đúng quy trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường trong năm 2021.

**b. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:**

- Ban điều hành dưới sự quản lý và chỉ đạo của HĐQT đã điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ do HĐQT đề ra phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong hoạt động điều hành, Ban điều hành đã thường xuyên báo cáo xin ý kiến của HĐQT, đồng thời tích cực, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh hàng ngày, đảm bảo việc điều hành linh hoạt và hiệu quả.

## **PHẦN II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

### **1. Nhận định chung về tình hình năm 2022**

Dịch Covid-19 tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa đầu năm 2022, Do đó, năm 2022 sẽ tiếp tục là năm sóng gió và nhiều thử thách đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh bất động sản nói riêng. Những khó khăn và thuận lợi mà Ban điều hành Công ty xác định trong năm 2022 như sau:

#### **a. Khó khăn:**

- Thương mại toàn cầu đình trệ, tình hình bất ổn chính trị khiến làn sóng doanh nghiệp phá sản lan khắp thế giới;
- Thị trường kinh doanh bất động sản không thể hồi phục ngay lập tức và phải phụ thuộc vào nhiều ngành kinh tế khác;

#### **b. Thuận lợi:**

- Việt Nam là một trong những nước kiểm soát tốt dịch bệnh Covid 19, duy trì nền kinh tế nội địa ổn định.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam thực hiện tốt công tác tái cấu trúc hệ thống, đã tổ chức và hoạt động của Công ty theo phương châm chuyên nghiệp hóa, giảm chi phí, kiện toàn bộ máy nhân sự theo mô hình gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả.

Có thể nói năm 2022 sẽ vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước nhưng với những thuận lợi bên ngoài cùng với nội lực của doanh nghiệp, Ban điều hành Công ty cam kết sẽ nỗ lực phần đầu lựa chọn và vạch ra những chiến lược phù hợp nhằm hoàn thành tốt kế hoạch SXKD đã đề ra trong năm 2022.

### **2. Các chỉ tiêu cụ thể**

Đơn vị tính: VND

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>    | <b>Thực hiện năm 2021</b> | <b>Kế hoạch năm 2022</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|--------------------|---------------------------|--------------------------|----------------|
| 1         | Tổng tài sản       | 8.417.294.446.708         | 11.850.549.800.217       |                |
| 2         | Doanh thu thuần    | 3.267.741.703.747         | 5.047.734.162.675        |                |
| 3         | Lợi nhuận sau thuế | 36.546.671.834            | 37.509.538.958           |                |

### **3. Định hướng hoạt động của công ty trong năm 2022:**

- Tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trên cơ sở các mục tiêu định hướng 5 năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua mà trọng tâm là hoàn thành tái cấu trúc công ty, sắp xếp lại bộ máy tổ chức và phát triển mạnh mẽ trong hoạt động tổng thầu thi công xây dựng.

990019  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ  
ALPHANAM  
LÀM-T.H



- Tiếp tục đẩy mạnh tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển, đầu tư nâng cao thương hiệu, hình ảnh đối với khách hàng, đối tác, xã hội.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Công ty: thực hiện tốt việc kiểm soát dòng tiền, làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ; tiếp tục rà soát các khoản cho vay, bảo lãnh để có biện pháp thu hồi, hạn chế rủi ro; tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí.

Chúng tôi cam kết Ban điều hành cũng như Cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam sẽ nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra trong năm 2022, phấn đấu vượt qua những thử thách, tiếp tục duy trì sự phát triển ổn định và bền vững.

Nhân dịp này, thay mặt Ban điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, tôi xin cảm ơn các Quý Cổ đông, của các tổ chức và các đối tác đã ủng hộ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho HĐQT và Ban điều hành trong thời gian qua. Kính chúc Quý vị sức khỏe, thịnh vượng và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Bùi Hoàng Tuấn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM**

---o0o---

Số: 03/2022/TTr/ALP-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---o0o---

Hưng Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*(Về việc Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 (*Chi tiết trong file đính kèm*).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.





Số: 02/2022/BC-HĐQT

Hung Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, tôi xin gửi đến tất cả Quý cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Hội đồng quản trị công ty xin trân trọng báo cáo tới Đại hội về kết quả hoạt động, công tác quản trị của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam trong năm 2021 và định hướng chiến lược phát triển trong năm 2022, cụ thể như sau:

**I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động**

**1. Về cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị năm 2021**

- Năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam gồm có 05 thành viên:

| TT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ         |
|----|----------------------|-----------------|
| 1  | Ông Nguyễn Tuấn Hải  | Chủ tịch HĐQT   |
| 2  | Ông Nguyễn Minh Nhật | Thành viên HĐQT |
| 3  | Ông Bùi Hoàng Tuấn   | Thành viên HĐQT |
| 4  | Bà Nguyễn Ngọc Mỹ    | Thành viên HĐQT |
| 5  | Bà Bùi Kim Yến       | Thành viên HĐQT |

Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao như các quyết định chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch hằng năm của Công ty, giám sát, chỉ đạo điều hành của Công ty, của Tổng Giám đốc, phê duyệt các vấn đề theo phân cấp quản lý để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

**2. Hoạt động của HĐQT năm 2021**

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tiến hành 09 buổi họp nhằm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao như các quyết định chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch hằng năm của Công ty.
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban điều hành trong công tác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong Nghị Quyết của Đại hội

đồng cổ đông thường niên năm 2021. Phê duyệt các vấn đề theo phân cấp quản lý để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

### 3. Báo cáo về việc phát hành trái phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam

Ngày 24/12/2021 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam đã ban hành nghị quyết số 1493/2021/NQ/ALP.HĐQT về việc thông qua Chủ trương và phương án phát hành trái phiếu với các nội dung cụ thể như sau:

#### - Phương án phát hành trái phiếu:

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam.
- Mục đích phát hành: Số tiền thu được từ các đợt phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để thực hiện chương trình, dự án đầu tư cụ thể là thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á để triển khai dự án Khu căn hộ No02 có diện tích 33.642,77 m<sup>2</sup> thuộc dự án Khu Đô thị Mường Hoa, Sa Pa do Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á làm Chủ đầu tư.
- Loại Trái Phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành
- Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái Phiếu: Đồng Việt Nam (VND)
- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu (Một trăm nghìn Đồng Việt Nam một Trái Phiếu) hoặc một giá trị khác là bội số của 100.000 đồng theo thỏa thuận với Nhà đầu tư.
- Giá phát hành: 100% mệnh giá
- Hình thức Trái Phiếu: Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử, tùy thuộc vào nhu cầu của nhà đầu tư
- Loại hình Trái Phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm.
- Số đợt phát hành và Khối lượng phát hành của mỗi đợt:  
Tổng mệnh giá Trái Phiếu phát hành tối đa 500.000.000.000 VND (Năm trăm tỷ đồng Việt Nam) dự kiến được chào bán thành tối đa 02 đợt, trong đó:  
*Khối lượng phát hành đợt 1:* tối đa là 200 (Hai trăm) tỷ đồng. Ngày Phát Hành Đợt 01: Trong Quý 4 năm 2021 hoặc Quý 1 năm 2022  
*Khối lượng phát hành đợt 2:* tối đa là 500 (Năm trăm) tỷ đồng trừ (-) đi khối lượng trái phiếu đã chào bán thành công theo mệnh giá đợt 1. Trong Quý 1 năm 2022 hoặc Quý 2 năm 2022.
- Kỳ hạn Trái Phiếu: 24 tháng kể từ Ngày Phát Hành của mỗi đợt.
- Lãi suất danh nghĩa Trái Phiếu: Dao động ở mức 10,5% - 11%/năm.

#### - Báo cáo kết quả phát hành đợt 1

- Số lượng trái phiếu đã phát hành: 2.000.000 (hai triệu) trái phiếu.
- Mệnh giá: 100.000 VNĐ (một trăm nghìn đồng một trái phiếu).
- Giá trị phát hành đợt 1: 200.000.000.000 VNĐ (hai trăm tỷ đồng).
- Ngày đáo hạn đợt 1: 29/12/2023.
- Danh sách nhà đầu tư trái phiếu: Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) mua thành công 2.000.000 (hai triệu) trái phiếu tương đương 200.000.000.000 VNĐ (hai trăm tỷ đồng).



#### **4. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị công ty không nhận thù lao.

## **II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2021**

### **1. Về công tác sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Trước những khó khăn do ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu, kinh tế trong nước, những khó khăn của ngành xây dựng, kinh doanh bất động sản và những khó khăn nội tại Công ty gặp phải, Hội đồng quản trị đã chủ động nhận định, phân tích đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, định hướng phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, đề ra nhiều giải pháp quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giúp duy trì được hoạt động của công ty trong giai đoạn khó khăn, và đạt được những thành tựu nhất định.

Tổng doanh thu năm 2021 của Công ty đạt 3.267.741.703.747 đồng, gấp 1,5 lần Tổng doanh thu năm 2020.

### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành**

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2021 đã đề ra của Công ty.

Để đạt được kết quả kinh doanh năm 2021 là sự cố gắng của Ban điều hành Công ty với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn.

Kết quả này đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban điều hành, sự đồng lòng của các cán bộ nhân viên, Công ty sẽ đạt và vượt được các chỉ tiêu mà Hội đồng quản trị giao phó, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường khó trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp và sự cạnh tranh khốc liệt.

### **3. Phương hướng đầu tư sản xuất kinh doanh trong năm 2022**

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung triển khai các dự án đầu tư kinh doanh đang thực hiện, mở rộng thị trường. Đồng thời, Hội đồng quản trị tập trung tìm kiếm các dự án, các cơ hội đầu tư, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh và chiến lược của Công ty trong năm tiếp theo.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò của từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

Năm 2022, kinh tế toàn cầu trải qua cuộc khủng hoảng nặng nề bởi đại dịch COVID19 và những bất ổn chính trị, vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ đối mặt với nhiều khó khăn. Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, căn cứ và tình hình chung của ngành xây dựng, kinh doanh bất động sản, sau khi rà soát các kế hoạch, dự án sẽ triển



khai trong năm 2022, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty, cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu           | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022  |
|-----|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1   | Tổng tài sản       | 8.417.294.446.708  | 11.850.549.800.217 |
| 2   | Doanh thu thuần    | 3.267.741.703.747  | 5.047.734.162.675  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế | 36.546.671.834     | 37.509.538.958     |

Hội đồng quản trị hi vọng rằng, với bề dày kinh nghiệm, tiềm năng nội lực và sự ủng hộ của toàn thể cổ đông, đối tác, đội ngũ cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam sẽ vượt qua được giai đoạn kinh tế khó khăn.

Và cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của các quý vị cổ đông trong thời gian qua.

Hung Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch



Nguyễn Tuấn Hải



CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM

---o0o---

Số: 02/2022/TTr/ALP-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hưng Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

(Về việc Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 (Chi tiết trong file đính kèm).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** ✓  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hải



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Về kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021**

*Kinh thưa Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam,*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2021.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tình hình kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, điều hành của Công ty trong năm 2021 như sau:

**I. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

**1. Hoạt động của Ban kiểm soát :**

*Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 hiện nay gồm có 03 thành viên:*

- Bà Đỗ Thị Loan – Trưởng Ban kiểm soát.
- Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Tươi – Thành viên Ban kiểm soát

*Năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, cụ thể:*

- Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp thống nhất các nội dung kế hoạch thực hiện kiểm soát trong năm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát, đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm.
- Xây dựng chương trình hoạt động và thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý và cả năm; giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư tài chính của Công ty.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; Tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc tuân thủ Quy chế, quy định nội bộ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật nhà nước của HĐQT và Ban điều hành.
- Tham gia đóng góp ý kiến đối với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp HĐQT và Ban điều hành.
- Thẩm tra báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các chính sách quy định của pháp luật Nhà nước.





## 2. Thù lao của Ban kiểm soát năm 2021:

Năm 2021, Thành viên Ban kiểm soát không nhận thù lao.

## II. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

Các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên trong nhiệm kỳ đã được thực hiện đầy đủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ đúng theo quy định của Điều lệ Công ty, quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định phù hợp định hướng, chiến lược giải pháp kinh doanh của Công ty. Công tác quản trị của Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định đối với hoạt động của Công ty niêm yết, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Đồng hành với Hội đồng quản trị, đứng đầu là Tổng giám đốc đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhằm đạt được mục tiêu hàng năm của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Ban điều hành linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm quản lý chi phí, quản lý công tác nghiệp vụ thường xuyên đào tạo cập nhật và nâng cao kiến thức nhằm xây dựng giá trị cốt lõi văn hóa Công ty.

Thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, các cuộc họp tổng kết hàng năm để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, xem xét các mặt tồn tại và hạn chế nhằm đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm tháo gỡ và khắc phục.

Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy nguồn về vốn, tài sản và lao động của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

## III. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021:

Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021:

❖ Một số chỉ tiêu chính:

Đơn vị tính: Đồng

|   | Chỉ tiêu                   | Kế hoạch năm<br>2021 | Thực hiện năm<br>2021 | Thực hiện/<br>Kế hoạch |
|---|----------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| 1 | Tổng tài sản               | 6.000.000.000.000    | 8.417.294.446.708     | 140,3%                 |
| 2 | Doanh thu thuần            | 1.669.205.664.041    | 3.267.741.703.747     | 195,8%                 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế<br>TNDN | 33.538.268.853       | 36.546.671.834        | 109%                   |

### 2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2021:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

Công ty đã chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

0197,  
NG  
PH  
T  
PHAN  
AM-T.V

#### **IV. Nhận xét kiến nghị và phương hướng năm 2022 :**

Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát hoàn thành chức năng, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã tin tưởng giao cho, nhất là nhiệm vụ kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình sử dụng vốn một cách hiệu quả.

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 đã nhận được sự hỗ trợ tích cực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

Phương hướng năm 2022, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022, Ban kiểm soát kiến nghị Ban điều hành Công ty cần quan tâm :

+ Thực hiện quản lý chặt chẽ dòng tiền, cân đối nguồn tài chính đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay đúng hạn, bảo toàn và phát triển vốn.

+ Hoàn thiện các quy định, quy trình liên quan đến công tác quản lý, phân công công việc tại các phòng/ban chức năng trong công ty theo thông lệ quản trị tốt nhất.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin nhiệm của Đại hội đồng cổ đông và sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trong suốt năm vừa qua đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc của mình.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**Trưởng ban**



**Đỗ Thị Loan**





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM**

---o0o---

Số: 04/2022/TTr/ALP-IIDQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---o0o---

Hưng Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*(Về việc Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 (*Chi tiết trong file đính kèm*).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Hải**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

| STT        | NGUỒN VỐN  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>D.</b>  | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>2.523.565.389.542</b> | <b>2.432.248.204.932</b> |
| <b>I.</b>  | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>V.22</b> | <b>2.523.565.389.542</b> | <b>2.432.248.204.932</b> |
| 1.         | Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 1.924.844.130.000        | 1.924.844.130.000        |
|            | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                   | 411a       |             | 1.924.844.130.000        | 1.924.844.130.000        |
|            | - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2.         | Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | 74.155.820.000           | 74.155.820.000           |
| 3.         | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                           | 413        |             | -                        | -                        |
| 4.         | Vốn khác của chủ sở hữu                                    | 414        |             | 7.200.100.000            | 7.200.100.000            |
| 5.         | Cổ phiếu quỹ (*)   | 415        |             | -                        | -                        |
| 6.         | Chênh lệch đánh giá lại tài sản                            | 416        |             | -                        | -                        |
| 7.         | Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                 | 417        |             | -                        | -                        |
| 8.         | Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 6.252.632.183            | 6.252.632.183            |
| 9.         | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                            | 419        |             | -                        | -                        |
| 10.        | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                              | 420        |             | 6.432.782.917            | 6.432.782.917            |
| 11.        | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 145.562.157.521          | 116.651.048.838          |
|            | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 117.885.142.006          | 80.041.897.063           |
|            | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 27.677.015.515           | 36.609.151.775           |
| 12.        | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                           | 422        |             | -                        | -                        |
| 13.        | Lợi ích cổ đông không kiểm soát                            | 429        |             | 359.117.766.921          | 296.711.690.994          |
| <b>II.</b> | <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                          | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| 1.         | Nguồn kinh phí   | 431        |             | -                        | -                        |
| 2.         | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ                          | 432        |             | -                        | -                        |
|            | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                 | <b>440</b> |             | <b>8.417.294.446.708</b> | <b>5.992.958.488.458</b> |

Hưng Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

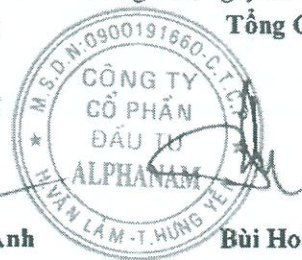
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Tươi

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

| STT        | NGUỒN VỐN  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C.</b>  | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                               | <b>300</b> |             | <b>5.893.729.057.166</b> | <b>3.560.710.283.526</b> |
| <b>I.</b>  | <b>Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>2.152.851.810.056</b> | <b>2.653.119.569.207</b> |
| 1.         | Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.15        | 720.044.049.952          | 990.386.366.828          |
| 2.         | Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.16        | 217.701.369.835          | 905.400.911.085          |
| 3.         | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.17        | 7.151.514.153            | 7.400.921.328            |
| 4.         | Phải trả người lao động                          | 314        |             | 6.353.871.877            | 8.370.597.816            |
| 5.         | Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.18        | 261.744.925.816          | 2.672.706.524            |
| 6.         | Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                        | -                        |
| 7.         | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                        | -                        |
| 8.         | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.20        | 9.515.611.021            | 3.987.239.254            |
| 9.         | Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.19        | 15.906.323.168           | 11.126.347.259           |
| 10.        | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                | 320        | V.14        | 911.988.374.594          | 722.035.008.532          |
| 11.        | Dự phòng phải trả ngắn hạn                       | 321        | V.21        | 1.725.980.528            | 1.019.681.469            |
| 12.        | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                        | 322        |             | 719.789.112              | 719.789.112              |
| 13.        | Quỹ bình ổn giá                                  | 323        |             | -                        | -                        |
| 14.        | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 324        |             | -                        | -                        |
| <b>II.</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                                | <b>330</b> |             | <b>3.740.877.247.110</b> | <b>907.590.714.319</b>   |
| 1.         | Phải trả người bán dài hạn                       | 331        | V.15        | 699.494.184.833          | -                        |
| 2.         | Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        | V.16        | 1.994.483.890.200        | -                        |
| 3.         | Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                        | -                        |
| 4.         | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                        | -                        |
| 5.         | Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                        | -                        |
| 6.         | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        | V.20        | 2.531.453.411            | 2.666.133.547            |
| 7.         | Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.19        | 13.224.188.007           | 5.564.085.281            |
| 8.         | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.14        | 1.031.143.530.659        | 899.360.495.491          |
| 9.         | Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                        | -                        |
| 10.        | Cổ phiếu ưu đãi                                  | 340        |             | -                        | -                        |
| 11.        | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 341        |             | -                        | -                        |
| 12.        | Dự phòng phải trả dài hạn                        | 342        |             | -                        | -                        |
| 13.        | Quỹ phát triển khoa học công nghệ                | 343        |             | -                        | -                        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

| STT         | TÀI SẢN  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-------------|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B.</b>   | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                         | <b>200</b> |             | <b>5.381.266.011.462</b> | <b>3.180.820.356.766</b> |
| <b>I.</b>   | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>              | <b>210</b> |             | <b>1.891.381.682.464</b> | <b>2.606.047.607</b>     |
| 1.          | Phải thu khách hàng dài hạn                    | 211        | V.03        | 3.486.938.393            | 1.911.390.000            |
| 2.          | Trả trước cho người bán dài hạn                | 212        | V.04        | 1.887.223.568.416        | -                        |
| 6.          | Phải thu dài hạn khác                          | 216        | V.05        | 671.175.655              | 694.657.607              |
| <b>II.</b>  | <b>Tài sản cố định</b>                         | <b>220</b> |             | <b>31.807.901.133</b>    | <b>27.155.980.930</b>    |
| 1.          | Tài sản cố định hữu hình                       | 221        | V.07        | 23.138.081.897           | 23.915.754.138           |
|             | - Nguyên giá                                   | 222        |             | 74.712.027.771           | 70.623.130.227           |
|             | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                   | 223        |             | (51.573.945.874)         | (46.707.376.089)         |
| 2.          | Tài sản cố định thuê tài chính                 | 224        | V.08        | 7.971.883.913            | 2.159.243.015            |
|             | - Nguyên giá                                   | 225        |             | 9.580.720.000            | 2.885.454.545            |
|             | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                   | 226        |             | (1.608.836.087)          | (726.211.530)            |
| 3.          | Tài sản cố định vô hình                        | 227        | V.09        | 697.935.323              | 1.080.983.777            |
|             | - Nguyên giá                                   | 228        |             | 2.954.600.851            | 2.954.600.851            |
|             | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                   | 229        |             | (2.256.665.528)          | (1.873.617.074)          |
| <b>III.</b> | <b>Bất động sản đầu tư</b>                     | <b>230</b> | <b>V.10</b> | <b>10.793.414.338</b>    | <b>11.411.856.370</b>    |
| 1.          | Nguyên giá                                     | 231        |             | 19.250.328.844           | 19.250.328.844           |
| 2.          | Giá trị hao mòn lũy kế (*)                     | 232        |             | (8.456.914.506)          | (7.838.472.474)          |
| <b>IV.</b>  | <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                 | <b>240</b> | <b>V.11</b> | <b>2.778.417.580.328</b> | <b>2.080.097.604.332</b> |
| 1.          | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn   | 241        |             | -                        | -                        |
| 2.          | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                | 242        |             | 2.778.417.580.328        | 2.080.097.604.332        |
| <b>V.</b>   | <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>                | <b>250</b> | <b>V.02</b> | <b>539.645.597.570</b>   | <b>916.802.922.294</b>   |
| 1.          | Đầu tư vào công ty con                         | 251        |             | -                        | -                        |
| 2.          | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết        | 252        |             | 537.625.597.570          | 487.078.784.647          |
| 3.          | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                 | 253        |             | 2.020.244.536            | 429.724.382.183          |
| 4.          | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254        |             | (244.536)                | (244.536)                |
| <b>VI.</b>  | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                    | <b>260</b> |             | <b>129.219.835.629</b>   | <b>142.745.945.233</b>   |
| 1.          | Chi phí trả trước dài hạn                      | 261        | V.12        | 120.234.863.364          | 133.197.967.426          |
| 2.          | Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 262        | V.13        | 8.984.972.265            | 9.547.977.807            |
| 6.          | Lợi thế thương mại                             | 269        |             | -                        | -                        |
|             | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       | <b>270</b> |             | <b>8.417.294.446.708</b> | <b>5.992.958.488.458</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| STT         | TÀI SẢN  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-------------|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A.</b>   | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>100</b> |             | <b>3.036.028.435.246</b> | <b>2.812.138.131.692</b> |
| <b>I.</b>   | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.01</b> | <b>44.086.642.657</b>    | <b>40.021.016.703</b>    |
| 1.          | Tiền   | 111        |             | 44.086.642.657           | 39.560.389.078           |
| 2.          | Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                        | 460.627.625              |
| <b>II.</b>  | <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                 | <b>120</b> | <b>V.02</b> | <b>38.650.740.000</b>    | <b>58.650.740.000</b>    |
| 1.          | Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | 38.650.740.000           | 58.650.740.000           |
| 2.          | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                        | -                        |
| 3.          | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                        | -                        |
| <b>III.</b> | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>               | <b>130</b> |             | <b>1.967.655.984.834</b> | <b>1.609.664.924.452</b> |
| 1.          | Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.03        | 1.287.749.141.453        | 812.528.096.653          |
| 2.          | Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.04        | 680.663.651.125          | 762.775.968.132          |
| 3.          | Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                        | -                        |
| 4.          | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                        | -                        |
| 5.          | Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                        | -                        |
| 6.          | Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.05        | 18.710.531.312           | 53.773.188.464           |
| 7.          | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)           | 137        |             | (19.467.339.056)         | (19.412.328.797)         |
| 8.          | Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                        | -                        |
| <b>IV.</b>  | <b>Hàng tồn kho</b>                              | <b>140</b> | <b>V.06</b> | <b>797.841.190.520</b>   | <b>910.309.057.681</b>   |
| 1.          | Hàng tồn kho                                     | 141        |             | 799.323.232.132          | 911.801.300.189          |
| 2.          | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)               | 149        |             | (1.482.041.612)          | (1.492.242.508)          |
| <b>V.</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>187.793.877.235</b>   | <b>193.492.392.856</b>   |
| 1.          | Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.12        | 1.742.376.866            | 1.573.713.306            |
| 2.          | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 184.202.777.317          | 191.594.337.998          |
| 3.          | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.17        | 1.848.723.052            | 324.341.552              |
| 4.          | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                        | -                        |
| 5.          | Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                        | -                        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|-----|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1.  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.01       | 3.267.771.103.747 | 2.111.599.295.634 |
| 2.  | Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    | VI.02       | 29.400.000        | 28.578.000        |
| 3.  | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 3.267.741.703.747 | 2.111.570.717.634 |
| 4.  | Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.03       | 3.085.975.649.763 | 1.950.072.668.597 |
| 5.  | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 181.766.053.984   | 161.498.049.037   |
| 6.  | Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.04       | 2.279.290.254     | 341.978.248       |
| 7.  | Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.05       | 71.819.472.102    | 65.556.756.717    |
|     | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                    | 23    |             | 72.301.545.625    | 63.617.714.926    |
| 8.  | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    | VI.06       | 2.930.013.148     | 3.412.094.089     |
| 9.  | Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.07       | 28.912.768.942    | 7.981.313.276     |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 26    | VI.07       | 41.582.465.416    | 43.461.236.861    |
| 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh             | 30    |             | 44.660.650.926    | 48.252.814.520    |
| 12. | Thu nhập khác                                       | 31    | VI.08       | 5.409.259.163     | 3.538.012.032     |
| 13. | Chi phí khác  | 32    | VI.09       | 4.319.340.098     | 653.119.989       |
| 14. | Lợi nhuận khác                                      | 40    |             | 1.089.919.065     | 2.884.892.043     |
| 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                   | 50    |             | 45.750.569.991    | 51.137.706.563    |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hiện hành                         | 51    | VI.10       | 8.640.892.615     | 5.213.331.881     |
| 17. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                          | 52    | VI.11       | 563.005.542       | 563.005.542       |
| 18. | Lợi nhuận sau thuế TNDN                             | 60    |             | 36.546.671.834    | 45.361.369.140    |
| 19. | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ                   | 61    |             | 27.677.015.515    | 36.609.416.321    |
| 20. | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát      | 62    |             | 8.869.656.319     | 8.751.952.819     |
| 21. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                            | 70    | VI.12       | 150               | 192               |
| 22. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu                          | 71    | VI.13       | 150               | 192               |

Hưng Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

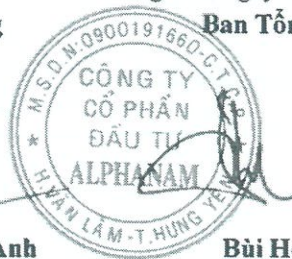
Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc

Lê Thị Tươi

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| STT        | CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước         |
|------------|--|-------|-------------|---------------------|-------------------|
| <b>I.</b>  | <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>   |       |             |                     |                   |
| 1.         | <i>Lợi nhuận trước thuế</i>  | 01    |             | 45.750.569.991      | 51.137.706.563    |
| 2.         | <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>  |       |             |                     |                   |
| -          | Khấu hao tài sản cố định, BĐSĐT và lợi thế thương mại                                    | 02    |             | 6.750.684.828       | 5.440.289.921     |
| -          | Các khoản dự phòng   | 03    |             | 751.108.422         | 436.371.967       |
| -          | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    |             | (18.106.076)        | 27.156.461        |
| -          | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05    |             | (7.017.233.112)     | (2.605.886.044)   |
| -          | Chi phí lãi vay  | 06    |             | 72.316.962.292      | 63.617.714.926    |
| -          | Các khoản điều chỉnh khác  | 07    |             | -                   | -                 |
| 3.         | <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>                     | 08    |             | 118.533.986.345     | 118.053.353.794   |
| -          | Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09    |             | (1.298.710.104.358) | (614.144.605.115) |
| -          | Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10    |             | 112.478.068.057     | (489.029.468.737) |
| -          | Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)            | 11    |             | 1.277.656.446.245   | 849.568.387.175   |
| -          | Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12    |             | 12.794.440.502      | (16.780.387.991)  |
| -          | Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13    |             | 20.000.000.000      | (58.650.740.000)  |
| -          | Tiền lãi vay đã trả  | 14    |             | (70.907.548.424)    | (63.601.619.909)  |
| -          | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15    |             | (11.396.014.562)    | (6.255.788.547)   |
| -          | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16    |             | -                   | -                 |
| -          | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  | 17    |             | -                   | (3.000.000)       |
|            | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>                                     | 20    |             | 160.449.273.805     | (280.843.869.329) |
| <b>II.</b> | <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |       |             |                     |                   |
| 1.         | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác                                | 21    |             | (920.056.435.993)   | (710.000.273.452) |
| 2.         | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác                             | 22    |             | -                   | 551.363.637       |
| 3.         | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                     | 23    |             | -                   | (2.967.161.800)   |
| 4.         | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                             | 24    |             | -                   | 2.967.161.800     |
| 5.         | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 25    |             | -                   | (4.560.470.000)   |
| 6.         | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 26    |             | 382.117.000.000     | 419.344.018.122   |
| 7.         | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                      | 27    |             | 149.756.062         | 335.466.906       |
|            | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>   | 30    |             | (537.789.679.931)   | (294.329.894.787) |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

| STT         | CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|-------------|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>III.</b> | <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                       |           |             |                        |                        |
| 1.          | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                         | 31        |             | 62.010.400.000         | 95.020.000.000         |
| 2.          | Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                      | -                      |
| 3.          | Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | 1.573.781.286.130      | 1.391.631.686.401      |
| 4.          | Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | (1.253.074.768.620)    | (887.797.943.084)      |
| 5.          | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | (1.311.271.856)        | (507.840.000)          |
| 6.          | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                      | -                      |
|             | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                 | <b>40</b> |             | <b>381.405.645.654</b> | <b>598.345.903.317</b> |
|             | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>  | <b>50</b> |             | <b>4.065.239.528</b>   | <b>23.172.139.201</b>  |
|             | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>   | <b>60</b> |             | <b>40.021.016.703</b>  | <b>16.849.082.888</b>  |
|             | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                             | 61        |             | 386.426                | (205.386)              |
|             | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>  | <b>70</b> |             | <b>44.086.642.657</b>  | <b>40.021.016.703</b>  |

Hưng Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
 Lê Thị Tươi

  
 Nguyễn Thị Vân Anh

  
 Bùi Hoàng Tuấn





CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM

---o0o---

Số: 05/2022/TTtr/ALP-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hưng Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*(Về việc Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

*Đơn vị tính: Việt Nam đồng*

| STT | Nội dung                | Kế hoạch năm 2021 | Kết quả thực hiện năm 2021 |
|-----|-------------------------|-------------------|----------------------------|
| 1   | Tổng tài sản            | 6.000.000.000.000 | 8.417.294.446.708          |
| 2   | Doanh thu thuần         | 1.669.205.664.041 | 3.267.741.703.747          |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 33.538.268.853    | 36.546.671.834             |

Hội đồng quản trị xét thấy nếu chia cổ tức cho Cổ đông hiện hữu thì cổ tức Cổ đông nhận được là rất nhỏ. Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc không phân phối lợi nhuận năm 2021 và bổ sung nguồn lợi nhuận sau thuế này vào vốn lưu động của Công ty.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



Nguyễn Tuấn Hải



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM**

---o0o---

Số: 06/2022/TTr/ALP-HDQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---o0o---

Hưng Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

(Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kính trình Đại hội đồng cổ đông Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 chi tiết như sau.

**1. Tiêu chí lựa chọn Đơn vị kiểm toán:**

- Công ty kiểm toán có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết;
- Công ty kiểm toán có đội ngũ kiểm toán có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán theo các qui định của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam (VAS);
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán Công ty yêu cầu.

**2. Đề xuất của Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập vào danh sách ngắn:**

- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
- Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Việt Nam);
- Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn (A&C).

**3. Đề xuất của Hội đồng quản trị:**

Căn cứ các đề xuất nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022:

- Phê duyệt chủ trương lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán với một trong các Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách ngắn.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo qui trình mua sắm của Công ty.
- Giao cho Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam ký Hợp đồng cung cấp Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam năm 2021.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM

---o0o---

Số: 07/2022/TTr/ALP-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hung Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

(Về việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- 1. Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021:**  
Công ty hiện không chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021.
- 2. Kế hoạch chi thù lao trong năm 2022:**  
Công ty không chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM**

---o0o---

Số: 08/2022/TTr/ALP-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---o0o---

Hưng Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
(Về việc Thay đổi thành viên Ban kiểm soát)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2018-2023:

1. Miễn nhiệm đối với Thành viên Ban Kiểm soát có đơn từ nhiệm: bà Đỗ Thị Loan
2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 - 2023: bà Đinh Thị Hương Thảo.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Hải**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên: ĐINH THỊ HƯƠNG THẢO

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 18/09/1992

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: không

CCCD số: 040192040878 Cấp ngày: 10/10/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Hộ khẩu thường trú: Xóm Nhân Hậu, Xã Hùng Tiến, Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện tại: Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Liên hệ: Mobile: 0349871799

Email: thaodth@alphanam.com

2. Trình độ học vấn:

- Cử nhân kế toán Học viện Tài chính

3. Kinh nghiệm công việc

| STT | Thời gian công tác | Đơn vị công tác                                |
|-----|--------------------|--|
| 1   | 2014-2018          | Công ty Kiểm toán và tư vấn Tài chính Quốc gia |
| 2   | 2019-2020          | Công ty cổ phần Alphanam E&C                   |
| 3   | 2021- Nay          | Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam                |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2022

Người khai



Đinh Thị Hương Thảo



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM**

---o0o---

Số: 09/2022/TTr/ALP-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---o0o---

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*(Về việc ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Để đảm bảo Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam hiện hành tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, theo đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

**1. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Việc sửa đổi Điều lệ Công ty được thực hiện đảm bảo theo các nguyên tắc sau:

- Các nội dung sửa đổi phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp.
- Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ của Công ty được soạn thảo dựa trên thực tế hoạt động và kinh doanh của Công ty.

**2. Nội dung đề xuất**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty và Dự thảo Điều lệ Công ty (*Chi tiết trong file đính kèm*)

Trân trọng kính trình.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----\*\*\*-----

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022



## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU .....  | 4  |
| Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....   | 4  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....   | 4  |
| Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ..... | 5  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....                                   | 5  |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....  | 5  |
| Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY  | 6  |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....   | 6  |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....  | 7  |
| Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....  | 7  |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....   | 7  |
| Điều 7. Cổ phiếu .....   | 8  |
| Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông .....   | 8  |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....  | 9  |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) .....   | 10 |
| Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....  | 10 |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....   | 10 |
| Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....   | 10 |
| Điều 12. Quyền của cổ đông .....   | 10 |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....  | 12 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....  | 13 |
| Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....  | 14 |
| Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 15 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền .....  | 15 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ....  | 16 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 17 |
| Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 18 |
| Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....   | 19 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....                                       | 20 |

|   |    |
|---|----|
| Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 21 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....   | 22 |
| Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....   | 23 |
| Điều 25. Hội đồng quản trị .....  | 23 |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....  | 24 |
| Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....   | 24 |
| Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....   | 25 |
| Điều 29. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....   | 26 |
| Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....  | 27 |
| Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý .....   | 27 |
| Điều 31. Người điều hành Công ty .....  | 27 |
| Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....  | 27 |
| Chương IX. BAN KIỂM SOÁT (NẾU CÓ) .....   | 28 |
| Điều 33. Ban kiểm soát .....  | 28 |
| Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....  | 29 |
| Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên .....   | 30 |
| Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ..... | 30 |
| Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....  | 30 |
| Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....   | 31 |
| Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....   | 31 |
| Điều 38. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....   | 31 |
| Chương XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....   | 32 |
| Điều 39. Phân phối lợi nhuận .....  | 32 |
| Chương XIII. NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....  | 32 |
| Điều 40. Năm tài chính .....  | 32 |
| Điều 41. Chế độ kế toán .....   | 32 |
| Chương XIV. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....  | 33 |
| Điều 42. Dấu của doanh nghiệp .....   | 33 |
| Chương XV. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN .....  | 33 |
| Điều 43. Giải thể Công ty .....   | 33 |
| Điều 44. Phá sản .....  | 33 |
| Chương XVI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....  | 33 |
| Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....   | 33 |



|  |    |
|--|----|
| Chương XVII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ..... | 34 |
| Điều 46. Điều lệ công ty.....                | 34 |
| Chương XVIII. NGÀY HIỆU LỰC.....             | 34 |
| Điều 47. Ngày hiệu lực.....                  | 34 |

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam - dưới đây gọi là “Công ty” - là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan sẽ là những nguyên tắc ràng buộc mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 04 năm 2022.

### Chương I.

## ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty Cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - d) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
  - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
  - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần;
  - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần;
  - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.



## **Chương II.**

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**
  - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **ALPHANAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**
  - Tên Công ty viết tắt: **ALPHANAM INVESTMENT JSC.**,
2. Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
  - Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
  - Điện thoại: 0221.3980386
  - Fax: 0221.3980385
  - E-mail: [info@alphanam.com](mailto:info@alphanam.com)
  - Website: [alphanam.com.vn/](http://alphanam.com.vn/)
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

#### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.
  - a) Người đại diện theo pháp luật của công ty là người đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
  - b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật
  - d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
  - e) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính

- xác cho Công ty về việc cá nhân và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

### Chương III.

## PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Điều 4. Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

| STT | Tên ngành  | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|--|----------|------------------------------|
| 1.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br><br>Chi tiết: Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khu vui chơi giải trí; | 4290     |                              |
| 2.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br><br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); Quản lý dự án; Tư vấn về quản lý kinh doanh, quản trị doanh nghiệp;  | 7020     | X                            |
| 3.  | Quảng cáo  | 7310     |                              |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động   | 5610     |                              |
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ khác   | 4932     |                              |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại  | 8230     |                              |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.<br><br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh   | 8299     |                              |
| 8.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br><br>Chi tiết: Dịch vụ khách sạn   | 5510     |                              |
| 9.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br><br>Chi tiết: Tổ chức các hoạt động của khu du lịch, khu vui chơi giải trí  | 9329     |                              |



|     |   |      |  |
|-----|---|------|--|
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ  | 4933 |  |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Lập dự án đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); | 7120 |  |
| 12. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch   | 0163 |  |
| 13. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ   | 0231 |  |
| 14. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp  | 0240 |  |
| 15. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu  | 1079 |  |
| 16. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                    | 4620 |  |
| 17. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ  | 4631 |  |
| 18. | Bán buôn thực phẩm  | 4632 |  |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác   | 4659 |  |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng   | 4663 |  |
| 21. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê                     | 6810 |  |

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia
2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

#### **Chương IV.**

#### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Điều lệ này  
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành các cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty chỉ gồm cổ phần phổ thông trừ trường hợp Công ty thực hiện phát hành bất kỳ cổ phần ưu đãi nào theo quy định tại khoản 4 Điều này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.  
Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty Cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
  - đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;
  - e) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
  - g) Nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
  - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
  - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty Cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.



2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
  - đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.



7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **Chương V.**

#### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban Kiểm soát
4. Tổng Giám đốc.

### **Chương VI.**

#### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;



- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
  - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
  - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
  - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc.



Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác, thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
  - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:



- a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
  - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản

3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
  - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
  - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
  - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
  - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
  - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
  - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;



- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.  
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
  - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi



bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất



21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có). Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
  - c) Phiếu biểu quyết;
  - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
  - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.



## **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
  - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
  - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
  - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;



- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
  6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
  7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
    - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
    - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
    - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
    - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
  9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
  10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;



- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
  - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
  3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông



là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;



- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
  4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.



**Chương VII.**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 25. Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
  - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03-05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.  
Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

**Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết,



mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị l'òa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số



thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 29. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian, địa điểm họp;
  - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.



3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng

### **Chương VIII.**

## **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
  - g) Tuyển dụng lao động;
  - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

### **Chương IX.**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 33. Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 người.  
Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
4. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
  - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;



- d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
  - đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

**Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy

định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

### **Chương X.**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

##### **Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.



2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

#### **Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **Chương XI.**

#### **QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 38. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.



4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

## **Chương XII.**

### **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 39. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương XIII.**

### **NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 40. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó

#### **Điều 41. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.



2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **Chương XIV.**

### **DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 42. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Chương XV.**

### **GIẢI THỂ, PHÁ SẢN**

#### **Điều 43. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 207, 208, 209, 210, 211 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật

#### **Điều 44. Phá sản**

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

#### **Chương XVI.**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
  - a) Cổ đông với Công ty;

- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

#### **Chương XVII.**

#### **BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

##### **Điều 46. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

#### **Chương XVIII.**

#### **NGÀY HIỆU LỰC**

##### **Điều 47. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 47 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam nhất trí thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**BÙI HOÀNG TUẤN**



**PHỤ LỤC 01**  
**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

| <b>STT</b> | <b>Cổ đông sáng lập</b>  | <b>Số cổ phần sở hữu thời điểm sáng lập</b>  | <b>Ghi chú</b> |
|------------|--|--|----------------|
| 1          | Ông <b>NGUYỄN TUẤN HẢI</b><br>Địa chỉ: 110 Góc 1 Mai Hắc Đế,<br>Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội<br>Quốc tịch: Việt Nam | Sở hữu 79.000.000 cổ<br>phần phổ thông mệnh<br>giá 10.000 đồng/cổ<br>phần, Tổng giá trị:<br>790.000.000.000 đồng |                |
| 2          | Ông <b>NGUYỄN MINH NHẬT</b><br>Địa chỉ: 112 Mai Hắc Đế, Nguyễn<br>Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội<br>Quốc tịch: Việt Nam      | Sở hữu 29.000.000 cổ<br>phần phổ thông mệnh<br>giá 10.000 đồng/cổ<br>phần, Tổng giá trị:<br>290.000.000.000 đồng |                |
| 3          | Bà <b>ĐỖ THỊ MINH ANH</b><br>Địa chỉ: 110 Góc 1 Mai Hắc Đế,<br>Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội<br>Quốc tịch: Việt Nam  | Sở hữu 19.900.000 cổ<br>phần phổ thông mệnh<br>giá 10.000 đồng/cổ<br>phần, Tổng giá trị:<br>199.000.000.000 đồng |                |

**PHỤ LỤC 02**  
**VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **1.924.844.130.000 VND** (Một ngàn, chín trăm hai mươi bốn tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng)
2. Tổng số cổ phần: **192.484.413 cổ phần** (Bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, bốn trăm mười ba cổ phần).
  - Loại cổ phần:
    - Cổ phần phổ thông: 192.484.413 cổ phần (Bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, bốn trăm mười ba cổ phần).
    - Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần





**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

*(Điều lệ mới được xây dựng theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 - Thay thế cho Luật doanh nghiệp 2014)*

| STT | Tên Điều được sửa đổi, bổ sung | Nội dung hiện tại  | Nội dung đề xuất sửa đổi   | Căn cứ               |
|-----|--------------------------------|--|--|----------------------|
| 1   | <b>Đại diện theo ủy quyền</b>  | <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp</p> | <p><i>Sửa đổi thành:</i></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. <u>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền</p> | Khoản 2 Điều 144 LDN |



| STT | Tên Điều được sửa đổi, bổ sung   | Nội dung hiện tại  | Nội dung đề xuất sửa đổi | Căn cứ |
|-----|--|--|--------------------------|--------|
|     | <p>lượt của tổ chức được ủy quyền dự hợp;</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự hợp.</p> <p>Người được ủy quyền dự hợp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự hợp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự hợp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> | <p>vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây từ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại</p> |                          |        |

| STT | Tên Điều được sửa đổi, bổ sung | Nội dung hiện tại  | Nội dung đề xuất sửa đổi  | Căn cứ                                       |
|-----|--------------------------------|--|---|--|
| 2   | <b>Mời họp ĐHĐCĐ</b>           | <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p> | <p><i>Sửa đổi thành:</i></p> <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)</u>. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có). Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> | Khoản 1 Điều 143 LDN<br>Khoản 3 Điều 142 LDN |



| STT | Tên Điều được sửa đổi, bổ sung               | Nội dung hiện tại   | Nội dung đề xuất sửa đổi   | Căn cứ               |
|-----|--|---|--|----------------------|
|     |  | <p>cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình hợp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình hợp</p> | <p>a) Chương trình hợp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) <u>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình hợp</p>  | Căn cứ               |
| 3.  | Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông | <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>   | <p><u>Sửa đổi thành:</u></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết</p>   | Khoản 1 Điều 145 LDN |
| 4   | Biên bản họp DHHCD                           | Chữ ký của chủ tọa và thư ký  | <p><u>Sửa đổi và bổ sung thành:</u></p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</u></p> | Khoản 1 Điều 150 LDN |
| 5   | Quyền của cổ đông                            | Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau  | <p><u>Sửa đổi thành:</u></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền đề</p>  | Khoản 5 Điều 115 LDN |

| STT | Tên Điều được sửa đổi, bổ sung | Nội dung hiện tại   | Nội dung đề xuất sửa đổi  | Căn cứ              |
|-----|--------------------------------|---|---|---------------------|
| 6   | Dấu của Công ty                | <p>- Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khác theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> | <p>cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p><i>Sửa đổi thành:</i></p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khác dấu hoặc dấu <u>đưới hình thức chữ ký số</u> theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. <u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> | Khoản 1 Điều 43 LDN |

**Ghi chú:**

-Phụ lục này so sánh các điều khoản trong Điều lệ sửa đổi bổ sung năm 2022 khác cơ bản với Điều lệ Công ty hiện hành (Điều lệ năm 2020).

- Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“LDN”)

- Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(Về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh cụ thể như sau:

1. **Bổ sung ngành nghề:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung   | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác   | 4662     |
| 2.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4752     |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: không bao gồm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã được ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm (không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột), thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.   | 4690     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: không bao gồm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã được ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm (không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột), thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.   | 4669     |



|     |  |      |
|-----|--|------|
| 5.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: không bao gồm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã được ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm (không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột), thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.   | 4719 |
| 6.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4759 |
| 7.  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: không bao gồm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã được ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm (không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột), thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.   | 4789 |
| 8.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá, các hàng hóa nhà nước cấm.  | 4799 |
| 9.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4730 |
| 10. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4753 |
| 11. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ | 4784 |
| 12. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ đấu giá bán lẻ qua Internet)  | 4791 |
| 13. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô   | 4511 |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Trừ Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm  | 4649 |

## 2. Sửa đổi Điều lệ Công ty

Sửa đổi Điều lệ Công ty cập nhật những nội dung thay đổi nêu trên.

3166  
G T  
PHÂN  
TU  
HANA  
M-T.H



Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT.

